ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027

*(kèm theo Quyết định: 2761 /QĐ-ĐHCN ngày 04 tháng 11 năm 2026, của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ)*

Các SV có tên ở Điều 1 được hưởng tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập là 7.590.000đ. Thời gian cấp từ tháng 09/2026 đến hết tháng 01/2027.
(Ghi chú: mỗi tháng được hưởng 60% mức lương cơ sở. Chi tiết: 2.530.000đ/tháng x 60% x 05 tháng = 7.590.000đ).

| TT | Mã sinh viên | Họ và tên | Ngày sinh | Dân tộc | Đối tượng | Điểm thi để xét vào Trường | Số tiền hỗ trợ (đ) | Ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 22022140 | Nguyễn Hoàng Phương | 23/03/2004 | Mường | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 28,00 | 7.590.000 | KTMT |
| 2. | 23020682 | Chẩu Khánh Ly | 22/09/2005 | Tày | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 24,50 | 7.590.000 | CNTT ĐHTTNB |
| 3. | 23020977 | Phạm Thị Thu Thùy | 17/05/2005 | Mường | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 25,13 | 7.590.000 | VLKT |
| 4. | 23021385 | Bùi Mạnh Dũng | 13/09/2005 | Mường | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 26,74 | 7.590.000 | CN HKVT |
| 5. | 23021484 | Đỗ Quang Cường | 07/11/2005 | Mường | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 24.26 | 7.590.000 | KHMT |
| 6. | 24020319 | Thìn Thị Thúy | 15/04/2006 | Nùng | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 28,04 | 7.590.000 | CNTT |
| 7. | 24020921 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh | 09/09/2006 | Tày | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 24,17 | 7.590.000 | CN KTXD |
| 8. | 24022201 | Lô Thị Diệu Son | 05/11/2006 | Thái | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 27,37 | 7.590.000 | KTĐK&TĐH |
| 9. | 25021741 | Trương Anh Đức | 15/01/2007 | Thổ | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 27,94 | 7.590.000 | KHMT |
| 10. | 25022117 | Phạm Văn Duân | 10/01/2007 | Mường | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 27,15 | 7.590.000 | CNKT ĐTVT |
| 11. | 25022366 | Lý Hoàng Minh | 08/07/2007 | Mường | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 26,68 | 7.590.000 | CNKT ĐTVT |
| 12. | 25023579 | Hoàng Đức Đại | 11/01/2007 | Nùng | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 27,15 | 7.590.000 | KTRB |
| 13. | 25024221 | Lê Thị Thuỳ | 27/03/2006 | Thổ | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 23,05 | 7.590.000 | CNSH |
| 14. | 25024228 | Lô Duy Khánh | 24/02/2006 | Thái | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 30,00 | 7.590.000 | KTĐK&TĐH |
| 15. | 26021431 | Bàn Giang Nam | 06/01/2008 | Dao | DTTS, thuộc hộ nghèo/cận nghèo | 26,99 | 7.590.000 | KT CĐT |
| | | | | | | **Tổng tiền:** | **113.850.000** | |
| *Số tiền bằng chữ:* ***Một trăm mười ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng./.*** | | | | | | | | |

*Ấn định danh sách có 15 sinh viên./.*